Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2936.29.00

Mã HS	2936.29.00
Mô tả hàng hóa	Tiền vitamin và vitamin các loại, tự nhiên hoặc tái tạo bằng phương pháp tổng hợp (kể cả các chất cô đặc tự nhiên), các dẫn xuất của chúng sử dụng chủ yếu như vitamin, và hỗn hợp của các chất trên, có hoặc không có bất kỳ loại dung môi nào / - Vitamin và các dẫn xuất của chúng, chưa pha trộn: / - - Vitamin khác và các dẫn xuất của chúng
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	09/11/2026 06:16:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29362900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4419
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4419
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4419
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4376
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4337
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4337
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4337
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4337
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4337
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4337
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4375
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4375
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4375
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4375

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4375
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4375
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4379
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4379
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4379
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4379
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4379
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4379
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4379
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4343
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4339
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4339
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4339
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4339
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4339
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4339
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4339
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4339
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4339
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4339
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4339
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4339
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4386
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4386
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4386
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4386

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4386
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4386
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D4383
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E4383
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F4383
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G4383
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H4383
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I4383
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4391
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4391
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4391
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4391
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4391
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4391
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4362
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4362
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4362
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4362
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4362
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4362
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4364
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4364
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4364
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4364
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4364
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4364

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4362
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4362
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4362
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4362
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4362
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4362
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4362
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4383
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4383
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4383
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4383
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4383
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4383
RCEP B	2022	2022	0	B!D4383
RCEP B	2023	2023	0	B!E4383
RCEP B	2024	2024	0	B!F4383
RCEP B	2025	2025	0	B!G4383
RCEP B	2026	2026	0	B!H4383
RCEP B	2027	2027	0	B!I4383
RCEP C	2022	2022	0	C!D4383
RCEP C	2023	2023	0	C!E4383
RCEP C	2024	2024	0	C!F4383
RCEP C	2025	2025	0	C!G4383
RCEP C	2026	2026	0	C!H4383
RCEP C	2027	2027	0	C!I4383
RCEP D	2022	2022	0	D!D4383

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4383
RCEP D	2024	2024	0	D!F4383
RCEP D	2025	2025	0	D!G4383
RCEP D	2026	2026	0	D!H4383
RCEP D	2027	2027	0	D!I4383
RCEP E	2022	2022	0	E!D4386
RCEP E	2023	2023	0	E!E4386
RCEP E	2024	2024	0	E!F4386
RCEP E	2025	2025	0	E!G4386
RCEP E	2026	2026	0	E!H4386
RCEP E	2027	2027	0	E!I4386
RCEP F	2022	2022	0	F!D4383
RCEP F	2023	2023	0	F!E4383
RCEP F	2024	2024	0	F!F4383
RCEP F	2025	2025	0	F!G4383
RCEP F	2026	2026	0	F!H4383
RCEP F	2027	2027	0	F!I4383
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4034
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4034
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4034
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4034

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2936.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2936.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4419), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.